

**Biểu mẫu 17**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học					
		Chính quy				Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			- Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia. Thí sinh ĐKXT vào Khoa Y Dược phải có điểm xét tuyển quy về thang điểm 30. - Dựa vào kết quả học bạ THPT theo tổ hợp môn xét tuyển với điểm trung bình năm học kỳ (HKI, HKII - Lớp 10; HKI, HKII - Lớp 11 và HKI - Lớp 12).					
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<b>1. Y khoa</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo Bác sĩ Y đa khoa - Nhà khoa học có đủ y đức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương IELTS 5.0, có tầm nhìn và năng lực nghiên cứu khoa học, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân, có khả năng tự học vươn lên, đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.</li> <li>- Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.</li> <li>- Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.</li> <li>- Tiếp cận được với các kiến thức y sinh học và kỹ thuật y dược hiện đại.</li> <li>- Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.</li> </ul>					



- Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý. Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích một cách sâu sắc các triệu chứng bệnh lý của người bệnh. Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

- Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích, đánh giá, xử trí các vấn đề sức khỏe tại bệnh viện và cộng đồng.

## **2. Điều dưỡng**

- Đào tạo người điều dưỡng trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thực hiện tốt y lệnh của Bác sĩ, đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với Bác sĩ để chăm sóc và nâng cao sức khoẻ người bệnh.

- Thực hiện đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng.

- Lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện qui trình điều dưỡng.

- Tham gia làm tốt công tác quản lý điều dưỡng, tham gia tổ chức và đào tạo cán bộ điều dưỡng và nhân viên y tế.

- Áp dụng y học cổ truyền trong công tác chăm sóc, phòng chống và chữa bệnh.

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp nhằm phòng chống dịch bệnh.

- Tư vấn và giáo dục về sức khoẻ cho người bệnh và cộng đồng.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao sức khoẻ cộng đồng và bảo vệ môi trường sức khoẻ.

## **3. Dược học**

- Đào tạo Dược sĩ có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y – dược học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để cộng tác với bác sĩ y khoa

hướng dẫn người bệnh hoặc nhân dân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, có tầm nhìn và năng lực sáng tạo, khả năng hội nhập tốt.

- Làm chủ được các kiến thức về nguyên liệu sử dụng làm thuốc trên các khía cạnh thuốc về Dược.

- Phát triển nghiên cứu dựa trên các thành tựu công nghệ như sinh học, hóa dược, nano...

- Có kiến thức sâu rộng về mô hình tổ chức ngành Dược và các kiến thức về chính sách quốc gia liên quan đến Dược.

- Làm chủ thông tin, cung cấp thông tin và sản phẩm chăm sóc sức khỏe đến người bệnh một cách chính xác, cập nhật và đáng tin cậy.

- Được thực tập trong các phòng thí nghiệm, các cơ sở Dược hiện đại trong quá trình thực tập để có thể tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp trước khi ra trường.

- Nhận biết và nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học dược ở mức độ cơ bản, các tình huống nghiệp vụ.

- Hợp tác tốt đối với người bệnh và các đối tượng khác, thực hiện các hoạt động để tăng cường sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.

- Thực hiện được công tác quản lý nguồn nhân lực, nhận thức được trách nhiệm với cộng đồng, người bệnh và ngành nghề Dược.

#### **4. Răng-Hàm-Mặt**

- Đào tạo bác sĩ Răng hàm mặt có y đức; có kiến thức khoa học cơ bản; có kiến thức cơ bản của y học và nha khoa hiện đại; có kiến thức và kỹ năng thực hành trong dự phòng và điều trị các bệnh răng miệng cho cá nhân và cộng đồng; có khả năng kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe răng miệng cho nhân dân.

- Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc của răng hàm mặt trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

- Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở vào thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán bệnh lý răng hàm mặt.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để thực hiện được các xét nghiệm cần thiết trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý răng hàm mặt.</li> <li>- Đánh giá, phân tích, đề xuất giải pháp và giải quyết vấn đề sức khỏe răng miệng.</li> <li>- Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe răng miệng tại bệnh viện và cộng đồng.</li> <li>- Cải tiến các kỹ thuật thăm dò chuẩn đoán bệnh lý răng miệng, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.</li> <li>- Sử dụng kết hợp được một số biện pháp y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh răng hàm mặt.</li> </ul>		
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến văn bản về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, các quy chế, quy định hướng dẫn thực hiện quy chế.</li> <li>- Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên hỗ trợ người học trong học tập và NCKH</li> <li>- Tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động.</li> <li>- Công tác hướng nghiệp cho sinh viên, hỗ trợ việc làm cho sinh viên.</li> </ul>		
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Y khoa</li> <li>2. Răng-Hàm-Mặt</li> <li>3. Điều dưỡng</li> <li>4. Dược học</li> </ol>		
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có cơ hội học tập các chứng chỉ đào tạo liên tục;</li> <li>- Có cơ hội đi học sau đi học trong nước và ở nước ngoài;</li> <li>- Nâng cao chuyên môn khi được làm việc tại các bệnh viện lớn.</li> </ul>		
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác tại các cơ sở đào tạo, cơ sở y tế, các phòng khám, công ty dược phẩm,...</li> <li>- Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu chuyên ngành khoa học sức khỏe</li> </ul>		

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2022 *nh*  
**TRƯỞNG KHOA**



TS.BS. Lê Việt Nho

**Biểu mẫu 18**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	<b>Tổng số</b>								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III					x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V					x	x	x	x
6	Khối ngành VI			1308		x	x	x	x
7	Khối ngành VII					x	x	x	x

**B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm**

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			SL SVTN có việc làm	SL SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
	<b>Tổng số</b>								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI	115		68	46	75	16	95	95,8
7	Khối ngành VII								

(\*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\* 100

VÀ  
ĐA  
JÓC  
À NAM

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

**C.1. Ngành Y khoa**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lê nin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Anh văn 1		3		
8	Anh văn 2		4		
9	Anh văn chuyên ngành 1		2		
10	Anh văn chuyên ngành 2		2		
11	Tin học		3		
12	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
13	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
15	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe		2		
16	Sinh học và Di truyền		3		
17	Lý sinh		2		
18	Hóa học		3		
19	Thống kê y học		2		
20	Tâm lý y học - Y đức		2		
21	Giải phẫu 1		3		
22	Giải phẫu 2		3		
23	Mô phôi		3		
24	Sinh lý 1		3		
25	Sinh lý 2		3		
26	Hóa sinh		3		
27	Vì sinh		3		
28	Ký sinh trùng		3		
29	Giải phẫu bệnh		3		
30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
31	Dược lý		3		
32	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		2		
34	Dịch tễ học		2		
35	Điều dưỡng		2		
36	Phẫu thuật thực hành		2		
37	Chẩn đoán hình ảnh		3		
38	Ung thư		2		
39	Thực tập cộng đồng		1		
40	Tiền lâm sàng		4		
41	Nội cơ sở 1		3		
42	Nội cơ sở 2		3		
43	Nội cơ sở 3		2		
44	Nội cơ sở 4		2		
45	Ngoại cơ sở 1		3		
46	Ngoại cơ sở 2		3		
47	Ngoại cơ sở 3		2		
48	Ngoại cơ sở 4		2		
49	Nội bệnh lý 1		3		
50	Nội bệnh lý 2		3		
51	Nội bệnh lý 3		2		
52	Nội bệnh lý 4		2		
53	Nội bệnh lý 5		3		
54	Nội bệnh lý 6		3		
55	Ngoại bệnh lý 1		3		
56	Ngoại bệnh lý 2		3		
57	Ngoại bệnh lý 3		2		
58	Ngoại bệnh lý 4		2		
59	Ngoại bệnh lý 5		3		
60	Ngoại bệnh lý 6		3		
61	Phụ sản 1		3		
62	Phụ sản 2		3		
63	Phụ sản 3		2		
64	Phụ sản 4		2		
65	Phụ sản 5		2		
66	Phụ sản 6		2		
67	Nhi khoa 1		3		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68	Nhi khoa 2		3		
69	Nhi khoa 3		2		
70	Nhi khoa 4		2		
71	Nhi khoa 5		2		
72	Nhi khoa 6		2		
73	Truyền nhiễm		3		
74	Y học cổ truyền		2		
75	Lao		2		
76	Răng Hàm Mặt		2		
77	Tai Mũi Họng		2		
78	Mắt		2		
79	Da liễu		2		
80	Phục hồi chức năng		2		
81	Tâm thần		2		
82	Huyết học		2		
83	Gây mê hồi sức		1		
84	Hồi sức cấp cứu		2		
85	Dược lâm sàng		1		
86	Pháp y		1		
87	Y học hạt nhân		1		
88	Y học gia đình		1		
89	Tổ chức và quản lý y tế		2		
90	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		8		
91	Thực tế tốt nghiệp		4		
92	Định hướng cơ bản CK Giải phẫu 1		4		
93	Định hướng cơ bản CK Giải phẫu 2		4		
94	Định hướng cơ bản CK Sinh lý 1		4		
95	Định hướng cơ bản CK Sinh lý 2		4		
96	Định hướng cơ bản CK Vi sinh 1		4		
97	Định hướng cơ bản CK Vi sinh 2		4		
98	Định hướng cơ bản CK Ký sinh trùng 1		4		
99	Định hướng cơ bản CK Ký sinh trùng 2		4		
100	Định hướng cơ bản CK Hóa sinh 1		4		
101	Định hướng cơ bản CK Hóa sinh 2		4		
102	Định hướng cơ bản CK Giải phẫu bệnh 1		4		
103	Định hướng cơ bản CK Giải phẫu bệnh 2		4		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
104	Định hướng cơ bản CK Nội 1		4		
105	Định hướng cơ bản CK Nội 2		4		
106	Định hướng cơ bản CK Ngoại 1		4		
107	Định hướng cơ bản CK Ngoại 2		4		
108	Định hướng cơ bản CK Phụ sản 1		4		
109	Định hướng cơ bản CK Phụ sản 2		4		
110	Định hướng cơ bản CK Nhi 1		4		
111	Định hướng cơ bản CK Nhi 2		4		
112	Định hướng cơ bản CK Mắt 1		4		
113	Định hướng cơ bản CK Mắt 2		4		
114	Định hướng cơ bản CK Tai Mũi Họng 1		4		
115	Định hướng cơ bản CK Tai Mũi Họng 2		4		
116	Định hướng cơ bản CK Phục hồi chức năng 1		4		
117	Định hướng cơ bản CK Phục hồi chức năng 2		4		
118	Định hướng cơ bản CK Truyền nhiễm 1		4		
119	Định hướng cơ bản CK Truyền nhiễm 2		4		
120	Định hướng cơ bản CK Da liễu 1		4		
121	Định hướng cơ bản CK Da liễu 2		4		
122	Định hướng cơ bản CK Lao và Bệnh phổi 1		4		
123	Định hướng cơ bản CK Lao và Bệnh phổi 2		4		
124	Định hướng cơ bản CK Tâm thần 1		4		
125	Định hướng cơ bản CK Tâm thần 2		4		
126	Định hướng cơ bản CK Ung thư 1		4		
127	Định hướng cơ bản CK Ung thư 2		4		
128	Định hướng cơ bản CK Chẩn đoán hình ảnh 1		4		
129	Định hướng cơ bản CK Chẩn đoán hình ảnh 2		4		
130	Định hướng cơ bản CK Y học cổ truyền 1		4		
131	Định hướng cơ bản CK Y học cổ truyền 2		4		
132	Định hướng cơ bản CK Dược lý 1		4		
133	Định hướng cơ bản CK Dược lý 2		4		
134	Động lực trong Y khoa		4		

## C.2. Ngành Điều dưỡng

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lê nin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Anh văn 1		3		
8	Anh văn 2		4		
9	Tin học		3		
10	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
12	Anh văn chuyên ngành		3		
13	Thống kê y học		2		
14	Hóa học		2		
15	Sinh học và Di truyền		2		
16	Lý sinh		2		
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
18	Tâm lý y học - Y đức		2		
19	Giải phẫu		3		
20	Mô phôi		2		
21	Sinh lý		3		
22	Hóa sinh		3		
23	Vิ sinh		2		
24	Ký sinh trùng		2		
25	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
26	Dược lý		3		
27	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người		1		
28	Dinh dưỡng - Tiết chế		3		
29	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		2		
30	Dịch tễ học		2		
31	Tổ chức và quản lý y tế		2		
32	Y học cổ truyền		2		
33	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
34	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng		2		
35	Điều dưỡng cơ sở 1		5		
36	Điều dưỡng cơ sở 2		5		
37	Điều dưỡng cơ sở 3 (Thực tập Bệnh viện)		2		
38	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng		2		
39	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1		2		
40	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1		2		
41	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2		2		
42	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2		3		
43	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1		2		
44	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1		2		
45	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2		2		
46	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2		3		
47	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực		1		
48	Thực hành chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực		2		
49	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		1		
50	Thực hành chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		1		
51	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm		1		
52	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm		2		
53	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng		2		
54	Thực hành sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng		2		
55	Chăm sóc sức khỏe trẻ em		2		
56	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em		2		



STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Chăm sóc sức khỏe tâm thần		1		
58	Thực hành chăm sóc sức khỏe tâm thần		1		
59	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1		
60	Thực hành chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1		
61	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng		1		
62	Thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng		2		
63	Quản lý điều dưỡng		2		
64	Thực tế tốt nghiệp		4		
65	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		6		
66	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa nâng cao		2		
67	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa nâng cao		2		
68	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng nâng cao		2		
69	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao		2		
70	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nâng cao		2		
71	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực nâng cao		2		
72	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm nâng cao		2		
73	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Ung thư		2		
74	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt		2		
75	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Tai mũi họng		2		
76	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Răng hàm mặt		2		
77	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Da liễu		2		
78	Tiếng Nhật		2		

### C.3. Ngành Dược học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lê nin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Anh văn 1		3		
7	Anh văn 2		4		
8	Anh văn chuyên ngành		4		
9	Tin học		3		
10	Pháp luật đại cương		2		
11	<i>Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)</i>		4		
12	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>		4		
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
14	Sinh học và Di truyền		2		
15	Vật lý		2		
16	Hóa đại cương - vô cơ		2		
17	Thông kê y học		3		
18	Tâm lý y học - Y đức		2		
19	Hóa hữu cơ 1		2		
20	Hóa hữu cơ 2		4		
21	Giải phẫu		3		
22	Sinh lý		3		
23	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
24	Ký sinh trùng		3		
25	Hóa phân tích 1		3		
26	Hóa phân tích 2		3		
27	Hóa lý dược		3		
28	Vิ sinh		3		
29	Bệnh học		3		
30	Hóa sinh		4		
31	Thực vật dược		4		
32	Dịch tễ dược học		2		
33	Dược xã hội học		2		
34	Tổ chức và quản lý y tế		2		
35	Hoá dược 1		4		
36	Hoá dược 2		4		
37	Dược liệu 1		3		
38	Dược liệu 2		4		
39	Dược lý 1		4		

DỤC  
 KHÓA  
 / - DƯỢC  
 HỌC E

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Dược lý 2		4		
41	Dược học cổ truyền		3		
42	Pháp chế dược		2		
43	Bào chế - công nghệ dược 1		4		
44	Bào chế - công nghệ dược 2		4		
45	Dược lâm sàng 1		4		
46	Dược lâm sàng 2		3		
47	Công nghiệp dược		4		
48	Kinh tế dược		3		
49	Kiểm nghiệm thuốc		4		
50	Dược động học		2		
51	Độc chất		3		
52	Thực hành dược khoa		2		
53	Chăm sóc dược		2		
54	Sử dụng thuốc trong điều trị 1		2		
55	Sử dụng thuốc trong điều trị 2		2		
56	Hoá sinh lâm sàng		3		
57	Hoá trị liệu		2		
58	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		
59	Quản lý Dược		2		
60	Marketing và thị trường dược phẩm		2		
61	Bảo hiểm y tế và chính sách công		2		
62	Dược cộng đồng		2		
63	Tổ chức quản lý dược bệnh viện		3		
64	Sản xuất thuốc 1		2		
65	Sản xuất thuốc 2		3		
66	Một số dạng bào chế đặc biệt		2		
67	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới		2		
68	GPs		2		
69	Tài nguyên cây thuốc		2		
70	Phương pháp nghiên cứu dược liệu		2		
71	Dược học cổ truyền định hướng		2		
72	Xây dựng tiêu chuẩn dược liệu và phương pháp phân lập hợp chất hữu cơ từ dược liệu		3		
73	Một số phương pháp phổ		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
74	Kiểm nghiệm tạp chất liên quan		2		
75	Ứng dụng các kỹ thuật sắc ký lỏng hiện đại trong kiểm nghiệm thuốc		3		
76	Tiêu chuẩn hoá chất lượng chế phẩm thuốc		2		
77	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm		2		
78	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc		2		
79	Thực tế bệnh viện		4		
80	Thực tế xí nghiệp		2		
81	Khoa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế		10		

#### C.4. Ngành Răng-Hàm-Mặt

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lê nin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Tin học		3		
8	Anh văn 1		3		
9	Anh văn 2		4		
10	Anh văn chuyên ngành		4		
11	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
12	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
13	Hóa học		3		
14	Sinh học và Di truyền		3		
15	Lý sinh		2		
16	Tâm lý y học - Y đức		2		
17	Thống kê y học		2		
18	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		2		
19	Giải phẫu 1		3		
20	Giải phẫu 2		3		
21	Hóa sinh		3		
22	Sinh lý 1		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Sinh lý 2		2		
24	Vi sinh		3		
25	Ký sinh trùng		3		
26	Mô phôi		3		
27	Giải phẫu bệnh		3		
28	Dược lý		4		
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
31	Điều dưỡng cơ bản		2		
32	Nội cơ sở		3		
33	Nội bệnh lý		3		
34	Ngoại cơ sở		3		
35	Ngoại bệnh lý		3		
36	Nhi khoa		3		
37	Sản phụ khoa		3		
38	Y học cổ truyền		2		
39	Tai mũi họng		2		
40	Mắt		2		
41	Da liễu		2		
42	Dịch tễ học		2		
43	Giải phẫu răng 1		3		
44	Giải phẫu răng 2		2		
45	Mô phôi răng miệng - Sinh học miệng		2		
46	Vật liệu - thiết bị nha khoa		2		
47	Cán khớp học		3		
48	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng hàm mặt		2		
49	Chẩn đoán hình ảnh RHM		2		
50	Nhỏ răng		4		
51	Phẫu thuật trong miệng		3		
52	Bệnh học miệng và hàm mặt 1		3		
53	Bệnh học miệng và hàm mặt 2		3		
54	Phẫu thuật hàm mặt		4		
55	Chữa răng nội nha 1		3		
56	Chữa răng nội nha 2		3		
57	Mô phỏng lâm sàng chữa răng		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
58	Mô phỏng lâm sàng nội nha		2		
59	Nha chu 1		3		
60	Nha chu 2		2		
61	Phục hình tháo lắp 1		2		
62	Phục hình tháo lắp 2		3		
63	Mô phỏng lâm sàng phục hình tháo lắp		2		
64	Phục hình cố định 1		2		
65	Phục hình cố định 2		3		
66	Mô phỏng lâm sàng phục hình cố định		2		
67	Răng trẻ em 1		2		
68	Răng trẻ em 2		2		
69	Mô phỏng lâm sàng răng trẻ em		2		
70	Chỉnh hình răng mặt		3		
71	Nha khoa công cộng		2		
72	Nha khoa cấy ghép		2		
73	Điều dưỡng nha khoa		2		
74	Tổ chức hành nghề bác sĩ răng hàm mặt		2		
75	Thực tế nghề nghiệp		2		
76	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		7		
77	Nha khoa cho người tàn tật và Nha khoa gia đình		2		
78	Lão nha học		2		
79	Nha khoa dự phòng và phát triển		3		
80	Nha khoa hiện đại		2		
81	Nha khoa bệnh lý và phẫu thuật		3		
82	Nha khoa phục hồi tổng quát		3		
83	Điều trị loạn năng hệ thống nhai		2		

**D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn**

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình diện tử)
1	Không		
2	Không		

**E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học	Nghiên cứu giá trị chẩn đoán của các thông số MAPSE và EPSS trên siêu âm Doppler tim trong đánh giá chức năng tâm thu thất trái ở bệnh nhân suy tim tại bệnh viện Đà Nẵng	Lê Văn Huân	TS.BS Giao Thị Thoa	
		Khảo sát một số rối loạn nhịp tim và rối loạn điện giải thường gặp ở bệnh nhân suy tim NYHA III-IV tại khoa Nội Tim mạch Bệnh viện Đà Nẵng	Nguyễn Thị Thanh Thúy	BSCKII. Huỳnh Đình Lai	
		Nghiên cứu mật độ xương trên nam bệnh nhân bị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Trần Thị Nhật Tuyết	BSCKII. Nguyễn Hứa Quang	
		Khảo sát các yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân nhồi máu não tại Khoa đột quy Bệnh viện Đà Nẵng	Nguyễn Văn Quốc Nhật	BSCKII. Dương Quang Hải ThS.BS. Phạm Như Thông	
		Nghiên cứu đánh giá hiệu quả can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Khoa nội hô hấp - miễn dịch dị ứng bệnh viện Đà Nẵng	Hoàng Thị Đào	BSCKII. Đinh Công Minh	
		Nghiên cứu số lượng bạch cầu ái toan máu trên bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	Mạc Thị Lựu	BSCKII. Nguyễn Hứa Quang ThS.BS. Lê Thành Phúc	
		Nghiên cứu tần suất và một số yếu tố liên quan đến đột biến gen EGFR trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ tại bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Tôn Thất Khánh	TS.BS. Nguyễn Phạm Thanh Nhân	
		Tìm hiểu chỉ định và tính ưu việt của phương pháp điều trị bảo tồn gãy kín xương đòn tại Bệnh viện Đà Nẵng	Trương Ngọc Trà My	BSCKII. Lê Văn Mười ThS.BS. Lê Ngọc Quý	
		Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và yếu tố tiên lượng	Nguyễn Thành Bình Nguyên	ThS.BS. Lê Tự Dũng	

	của bệnh lý viêm ruột thừa cấp vỡ mủ tại Bệnh viện Đà Nẵng			
	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thai ngoài tử cung tại bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng	Nguyễn Đỗ Thị Phương Thảo	BSCKII. Huỳnh Thị Bích Ngọc	
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên nhân gây sốt ở trẻ sơ sinh nhập viện từ cộng đồng	Nguyễn Thị Định Đức	TS.BS. Trần Thị Hoàng ThS.BS. Ngô Thị Hoa	
	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị của trẻ sinh non 34-36 tuần	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS.BS. Huỳnh Thị Lê	
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị viêm phổi trẻ em tại Bệnh viện Phụ Sản -Nhi Đà Nẵng	Nguyễn Thị Như Ý	BSCKII. Trương Thị Như Huyền	
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị Sốt xuất huyết Dengue trẻ em tại Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng	Nguyễn Thị Trinh	ThS.BS. Nguyễn Hải Thịnh	
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và giá trị của siêu âm trong chẩn đoán viêm ruột thừa cấp trẻ em	Cao Thị Thu Ngân	TS.BS. Hồ Xuân Tuấn ThS.BS. Nguyễn Phi Phong	
	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và nguyên nhân tiêu chảy phân máu ở trẻ em	Nguyễn Thị Lan Nhi	ThS.BS. Nguyễn Thị Hà Đoan	
	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn đường tiết niệu ở trẻ em	Nguyễn Minh Luận	BSCKII. Đặng Văn Hào	

#### G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

#### H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Seminar “Cập nhật chẩn đoán và điều trị bệnh viêm gan mạn do nhiễm virus viêm gan B và C”	06/8/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20

2	Seminar "Sử dụng dược liệu trong phòng và hỗ trợ điều trị Covid-19"	13/8/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
3	Hội thảo "Hệ miễn dịch và Covid-19"	25/8/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
4	Seminar "Tìm hiểu lịch sử phát triển của nền Y học"	27/8/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
5	Seminar "Hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo online"	11/9/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
6	Seminar "Hướng dẫn sử dụng Google Form trong nghiên cứu khảo sát và ra đề thi"	25/9/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
7	Seminar “Cập nhật thực hành chăm sóc trẻ sốt và co giật”	05/10/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
8	Hội thảo "Giới thiệu tổng quan về tạo hình thẩm mỹ"	07/10/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
9	Seminar “Kiểm soát đái tháo đường ở bệnh thận mạn”	17/10/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
10	Seminar "Giới thiệu về các mô hình thiết kế nghiên cứu khoa học"	09/11/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
11	Seminar "Giới thiệu các loại sai số, yếu tố nhiễu trong NCKH và các hạn chế sai số"	19/11/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
12	Seminar "Phân loại biến số và cách trình bày bảng, biểu đồ trong NCKH"	30/11/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
13	Seminar "Bí quyết để NCKH trở nên dễ dàng"	14/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
14	Seminar "Tính hiệu quả và an toàn của đốt sốt cao tần đối với ung thư tuyến giáp thể nhú kích thước nhỏ hai bên"	3/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
15	Hội thảo tập huấn "Kỹ thuật sử dụng bộ xét nghiệm nhanh kháng nguyên virus SARS-CoV-2"	13/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	40
16	Hội thảo quốc tế "Cập nhật điều trị chấn thương cổ bàn chân"	18-19/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng và Bộ môn Chấn thương chỉnh hình, ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh	50
17	Seminar "Cách viết đề cương nghiên cứu khoa học"	21/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15

18	Seminar “Giảng viên Điều dưỡng với những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong giảng dạy trực tuyến (online)	23/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
19	Hội thảo "Dạy - Học lâm sàng không có người bệnh và khả năng áp dụng tại Khoa Y Dược trong đại dịch COVID-19"	24/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
20	Seminar "Sự phì đại lành tính của tiền liệt tuyến theo tuổi"	24/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
21	Seminar "Nghiên cứu sinh nước ngoài - Thuận lợi và Khó khăn"	28/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
22	Hội thảo “Cấu trúc chương trình đào tạo Thạc sĩ nước ngoài: kinh nghiệm thực tiễn và đánh giá khả năng áp dụng tại Khoa Y Dược”	31/12/2021	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
23	Hội thảo "Thuốc điều trị F0 tại nhà của Bộ Y tế"	6/1/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
24	Seminar "Liệu pháp phối hợp thuốc Entecavir và Tenofovir trong điều trị bệnh viêm gan B mạn đa kháng thuốc"	7/1/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
25	Hội thảo quốc tế trực tuyến "Dạy - Học ngành Điều dưỡng trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19"	17/01/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng và Trường ĐH Điều dưỡng Thành phố Kobe (Nhật Bản)	50
26	Seminar "Sự thay đổi về tim mạch và thận khi sử dụng Empagliflozin trong bệnh suy tim"	21/01/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
27	Seminar "Sự tổng hợp các axit 4-oxo-2-butenoic bằng phản ứng ngưng tụ aldol của axit glyoxylic với sự hỗ trợ của vi sóng"	18/02/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
28	Seminar "Bào chế viên nang Hà thủ ô - Đậu đen và xây dựng bộ tiêu chuẩn thành phẩm dựa trên hàm lượng stilbenosid"	18/2/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
29	Seminar "Cúc chân vịt (Sphaeranthus africanus L.) - Từ kinh nghiệm dân gian đến những nghiên cứu hiện đại"	25/02/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20

30	Seminar "Sự ức chế tăng sinh tế bào Jurkat T của các hoạt chất phân lập từ rễ cây Rumex Japonicus"	25/02/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
31	Hội thảo tập huấn thực hành "Sơ cấp cứu và hồi sức tim phổi"	27/02/2022 và 06/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	60
32	Hội thảo quốc tế "Hướng nghiệp cho sinh viên ngành Điều dưỡng"	4/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng và Thành phố Sakai (Nhật Bản)	50
33	Seminar "Phẫu thuật kích thích não sâu (deep brain stimulation) trong mô hình động vật rối loạn lo âu"	11/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
34	Seminar "Cách tính cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu khoa học"	29/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
35	Seminar "Ứng dụng phương pháp giải trình tự gen Minion trong việc định danh vi khuẩn/ virus"	18/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
36	Seminar "Vận dụng Rubrics trong xây dựng tiêu chí đánh giá Chuẩn đầu ra học phần"	31/3/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
37	Seminar "Hệ nhóm máu ABO và COVID-19"	01/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
38	Seminar "Tăng cường tín hiệu trong kỹ thuật miễn dịch dòng (Lateral flow immunoassays LFIA)"	08/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15

**I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn**

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Tổng hợp các dẫn xuất chứa nhân 2-aminothiazole và đánh giá hoạt tính sinh học	Phan Thị Hằng Nga		3/2020 đến 2/2022	140 triệu đồng	01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE 01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Công nghệ của Đại học Đà Nẵng
2	Nghiên cứu tình hình nuôi con bằng sữa mẹ ở trẻ từ 0-24 tháng tuổi tại Việt Nam và các yếu tố liên quan	Hoàng Thị Nam Giang Đỗ Thị Thúy Duy Phạm Thị Thu Nguyễn Lâm Vương		12/2020 đến 5/2023	225 triệu đồng	02 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE Q1 01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học Công nghệ của Đại học Đà Nẵng

3	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp dạy học dựa trên vấn đề vào giảng dạy học phần Nội khoa tại Khoa Y Dược – Đại học Đà Nẵng	Lê Viết Nho Nguyễn Quốc Vũ Võ Thị Minh Trí Hoàng Thị Nam Giang		4/2021 đến 3/2022	30 triệu	1 bài báo đăng tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Đà Nẵng Báo cáo phân tích về phương thức triển khai và hiệu quả của Phương pháp học tập dựa trên vấn đề
4	Bào chế viên nang Hà thủ ô đỏ - Đậu đen và xây dựng bộ tiêu chuẩn thành phẩm dựa trên hàm lượng stilbenosid	Văn Phạm Kim Thương Huỳnh Lời Nguyễn Thị Việt Hà Nguyễn Thị Thanh Thủy		4/2021 đến 3/2022	30 triệu	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm ít nhất 0.5 điểm Bộ Tiêu chuẩn cơ sở Viên nang cứng Hà thủ ô đỏ - Đậu đen

#### K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Không						
2	Không						

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2022 nhà  
**TRƯỞNG KHOA**  
**KHOA Y-DƯỢC**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**




TS.BS. Lê Viết Nho

**Biểu mẫu 19**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022-2023**

**A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

STT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
		23000	23000	0	0
		0	0	0	0
		0	0	0	0
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
		110127	8127	102000	0
		0	0	0	0
		0	0	0	0

**B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu**

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	0						
2	Phòng thực hành...	14	Sinh viên học thực hành	Sinh viên	1220	1220		
3	Xưởng thực tập...	9	Thực hành lâm sàng	Sinh viên năm 2, 3, 4, 5, 6	102210	210	102000	
4	Nhà tập đa năng	0						
5	Hội trường	1	Học tập trung, tổ chức sự kiện		252	252		
6	Phòng học	15	Sinh viên học lý thuyết	Sinh viên	1476	1476		
7	Phòng học đa phương tiện	2	Sinh viên học tập		180	180		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
8	Thư viện	1	Sinh viên học tập		98	98		
9	Trung tâm học liệu	1	Sinh viên học tập		2000		2000	
10	Các phòng chức năng khác	25	Cán bộ, giảng viên làm việc		1227	1227		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	1
2	Số chỗ ngồi đọc	40
3	Số máy tính của thư viện	3
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	- 1952 cuốn thuộc Thư viện Khoa Y Dược - 15100 Bản tài liệu giáo trình, tài liệu chuyên khảo, tham khảo dùng chung với Trung tâm thông tin học liệu
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	- Cơ sở dữ liệu proquest central - Cơ sở dữ liệu Hinari - Cơ sở dữ liệu khoa học – công nghệ của cục thông tin khoa học & công nghệ quốc gia - Cơ sở dữ liệu của ngân hàng thế giới

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	23000/1137
2	Diện tích sàn/sinh viên	8127/1137

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 4 năm 2022 *zha*  
 TRƯỜNG KHOA  
 KHOA  
 Y-DƯỢC  
 TS.BS. Lê Việt Nho

**Biểu mẫu 20**

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng  
sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022-2023**

**A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu**

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
e	Khối ngành VI											
	Ngành đào tạo sức khỏe	43	0	0	11	26	6	0	0	41	2	0
	Khối ngành VII											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	3	0	1	1	1	0	0	0	2	0	1

**B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					

2	Khối ngành II ...					
3	Khối ngành III ...					
4	Khối ngành IV ...					
5	Khối ngành V ...					
6	Khối ngành VI Ngành đào tạo sức khoẻ					
6.1	Lê Viết Nho	1967	Nam	TS.BS	Tiến sĩ	Nội tiêu hóa
6.2	Bạch Thái An	1992	Nữ	BS	Đại học	Răng Hàm Mặt
6.3	Lê Công Tuấn Anh	1993	Nam	ThS.DS	Thạc sĩ	Dược lý - Dược thần kinh
6.4	Nguyễn Đức Bảo	1986	Nam	ThS.ĐD	Thạc sĩ	Điều dưỡng
6.5	Phạm Tiến Bình	1990	Nam	BS	Đại học	Y học dự phòng
6.6	Nguyễn Thị Kim Chi	1987	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Vi sinh - Ký sinh trùng
6.7	Đặng Thị Nguyên Chi	1983	Nữ	ThS.ĐD	Thạc sĩ	Điều dưỡng
6.8	Nguyễn Công Đào	1970	Nam	TS.BS	Tiến sĩ	Ngoại khoa
6.9	Phạm Văn Đôi	1966	Nam	TS.BS	Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình
6.10	Đỗ Thị Thúy Duy	1986	Nữ	ThS.ĐD	Thạc sĩ	Điều dưỡng
6.11	Hoàng Thị Nam Giang	1985	Nữ	TS.BS	Tiến sĩ	Nghiên cứu y học - Y tế (Nhi khoa)
6.12	Nguyễn Thị Việt Hà	1985	Nữ	ThS.DS	Thạc sĩ	Dược lý - Dược lâm sàng
6.13	Nguyễn Thị Hà	1986	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Y tế công cộng
6.14	Nguyễn Thị Thu Hằng	1986	Nữ	ThS.ĐD	Thạc sĩ	Điều dưỡng
6.15	Nguyễn Thị Thu Hiền	1990	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Quản lý bệnh viện
6.16	Trương Phú Chí Hiếu	1995	Nam	ThS.DS	Thạc sĩ	Hóa Dược
6.17	Trần Mạnh Hùng	1980	Nam	TS	Tiến sĩ	Dược

6.18	Nguyễn Trung Hưng	1971	Nam	ThS.BS	Thạc sĩ	Nội khoa
6.19	Nguyễn Thị Diệu Liên	1991	Nữ	TS	Tiến sĩ	Khoa học Y sinh
6.20	Huỳnh Lời	1972	Nam	TS.DS	Tiến sĩ	Dược liệu
6.21	Phan Thế Phước Long	1967	Nam	TS.BS	Tiến sĩ	Tạo hình hàm mặt
6.22	Phan Thị Thảo Ly	1990	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm
6.23	Nguyễn Thành Nam	1993	Nam	ThS.BS	Thạc sĩ	Khoa học Y sinh (Y học chức năng)
6.24	Phan Thị Hằng Nga	1988	Nữ	TS	Tiến sĩ	Hóa học
6.25	Võ Thị Nga	1994	Nữ	BS	Đại học	Y đa khoa
6.26	Phan Thị Hoàng Ngân	1985	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Y tế công cộng
6.27	Hồ Khả Vĩnh Nhân	1985	Nam	ThS.BS	Thạc sĩ	Chẩn thương chỉnh hình và tạo hình thẩm mỹ
6.28	Lê Viết Nhiệm	1986	Nam	TS.BS	Tiến sĩ	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới
6.29	Nguyễn Đức Nhơn	1993	Nam	ThS.BS	Thạc sĩ	Khoa học Y sinh (Y học hình thái)
6.30	Võ Thị Hương Phú	1988	Nữ	ThS.BS	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
6.31	Trương Thị Mỹ Phượng	1986	Nữ	ThS.ĐD	Thạc sĩ	Điều dưỡng
6.32	Lê Kim Thanh	1990	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Y tế công cộng
6.33	Nguyễn Thị Nguyên Thanh	1993	Nữ	BS	Đại học	Y đa khoa
6.34	Nguyễn Thị Thom	1980	Nữ	ThS.BS	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
6.35	Phan Xuân Thương	1990	Nam	ThS.DS	Thạc sĩ	Khoa học Dược (Bào chế)
6.36	Văn Phạm Kim Thương	1986	Nữ	ThS.DS	Thạc sĩ	Dược học
6.37	Nguyễn Thị Thu Thủy	1978	Nữ	ThS.BS	Thạc sĩ	Nhãn khoa
6.38	Nguyễn Thị Thanh Thủy	1995	Nữ	ThS.DS	Thạc sĩ	Dược liệu
6.39	Hà Kim Tiên	1992	Nam	BS	Đại học	Y học dự phòng
6.40	Trương Lê Bích Trang	1979	Nữ	ThS	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

6.41	Võ Thị Minh Trí	1991	Nữ	ThS.BS	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
6.42	Trần Xuân Trí	1972	Nam	TS.DS	Tiến sĩ	Dược học (Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc)
6.43	Phạm Thị Ngọc Trinh	1991	Nữ	ThS.BS	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
6.44	Lê Kim Trọng	1983	Nam	ThS.BS	Thạc sĩ	Ngoại khoa
6.45	Nguyễn Bá Trung	1976	Nam	PGS.TS	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Vật liệu nano
6.46	Phan Lê Minh Tú	1989	Nam	TS	Tiến sĩ	Hoá sinh
7	Khối ngành VII					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	29,5
7	Khối ngành VII	



**Biểu mẫu 21**

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
<b>I</b>	<b>Học phí chính quy chương trình đại trà</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành sức khỏe	Triệu đồng/năm	14,3	
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
<b>II</b>	<b>Học phí chính quy chương trình khác</b>			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
<b>III</b>	<b>Học phí hình thức vừa học vừa làm</b>			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	0	
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
<b>IV</b>	<b>Tổng thu năm</b>	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	3.530	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	15.970	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0	

